

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 03 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2-3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 34

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại 80 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 53 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào Ngày 31 tháng 03 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 16.1 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày Ngày 31 tháng 03 năm 2019 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Phó Chủ tịch TT HĐQT



Ngày 18 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019


Ngàn VND

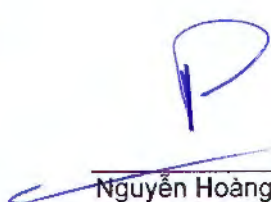
Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	24.318.812.144	18.478.339.161
110	I. Tiền	124.138.659	94.833.376
111	1. Tiền	124.138.659	94.833.376
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.403.297.125	2.562.934.174
121	1. Chứng khoán kinh doanh	7.905.321	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.395.391.804	2.386.288.453
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.846.079.547	12.128.902.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.839.670.148	1.736.794.206
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.984.321.461	3.173.845.608
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.731.186.900	3.244.879.900
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	4.314.382.243	3.997.067.028
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(23.789.533)	(23.801.744)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	308.327	117.474
140	IV. Hàng tồn kho	4.477.074.808	3.318.187.832
141	1. Hàng tồn kho	4.478.534.373	3.319.750.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.459.565)	(1.562.454)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	468.222.006	373.481.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	72.410.839	84.936.480
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	385.778.062	288.544.827
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10.033.105	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	28.287.348.430	27.857.319.580
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	38.282.600	38.258.300
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	14.850.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	23.432.600	23.408.300
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
220	II. Tài sản cố định	5.082.576.633	5.134.856.176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	1.213.242.380	1.251.589.930
222	Nguyên giá	2.017.530.316	2.007.402.639
223	Giá trị khấu hao lũy kế	(804.287.936)	(755.812.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	3.869.334.254	3.883.266.246
228	Nguyên giá	4.041.095.222	4.040.980.722
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(171.760.968)	(157.714.476)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.878.741.053	1.633.671.691
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.878.741.053	1.633.671.691
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	21.161.086.381	20.920.404.417
251	1. Đầu tư vào công ty con	21.215.924.755	20.975.242.790
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(124.478.742)	(124.478.742)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	126.661.763	130.128.996
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	125.983.707	129.450.940
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	678.056	678.056
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	52.606.160.575	46.335.658.741

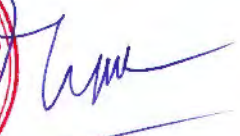
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	25.543.776.755	19.236.456.747
310	I. Nợ ngắn hạn	25.539.859.519	19.232.308.482
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	7.253.193.930	6.159.904.855
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	92.448.196	2.558.002.625
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.616.129	30.115.963
314	4. Phải trả người lao động	23.332.527	2.860.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	76.742.783	118.921.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(1.458.667)	1.275.009
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	4.548.634.719	212.247.655
320	8. Vay ngắn hạn	13.529.188.176	10.148.818.826
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn	3.917.236	4.148.265
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	526.954	757.983
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.390.282	3.390.282
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	27.062.383.820	27.099.201.994
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.062.383.820	27.099.201.994
411	1. Vốn cổ phần	16.646.958.570	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	16.646.958.570	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	29.878.837	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.385.546.413	10.489.323.157
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	10.378.915.234	4.164.009.925
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	6.631.179	6.325.313.232
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	52.606.160.575	46.335.658.741


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT




Ngày 18 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 1.2019	Quý 1.2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.968.155.368	10.933.583.915
02	2. Các khoản giảm trừ	(9.039.904)	(3.294.538)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.959.115.465	10.930.289.377
11	4. Giá vốn hàng bán	11.464.276.664	10.495.340.794
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	494.838.800	434.948.582
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	169.033.169	47.375.090
22	7. Chi phí tài chính	219.320.639	134.868.987
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	105.550.579	25.814.677
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	239.727.976	152.494.243
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	201.304.458	159.501.241
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.518.897	35.459.201
31	12. Thu nhập khác	18.965.760	12.439.679
32	13. Chi phí khác	15.807.494	6.784.288
40	14. Lợi nhuận khác	3.158.266	5.655.392
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.677.163	41.114.593
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.984	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.631.179	41.114.593


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 1.2019	Quý 1.2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.677.163	41.114.593
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	69.294.565	51.212.036
03	Các khoản dự phòng	(115.100)	(132.862)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(10.506.968)	105.519.475
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(26.871.047)	(45.747.039)
06	Chi phí lãi vay	105.550.579	25.814.677
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	144.029.193	177.780.880
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(6.743.830.978)	(1.574.316.568)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho	(1.160.481.034)	(198.926.831)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	2.862.557.478	3.940.018.098
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	15.925.165	(27.869.837)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	168.740.400	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả	(84.826.352)	(24.714.399)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(45.984)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	7.180.296
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.797.932.111)	2.422.828.275
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(452.334.016)	(279.252.181)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	14.639	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.524.157.000)	(426.637.183)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	37.850.000	301.704.344
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(117.809.904)	(1.388.640.992)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.311.186.342	324.900.180
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.254.750.061	(1.467.925.832)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 1.2019	Quý 1.2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	66.958.570	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	7.164.963.812	1.534.699.756
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.652.818.315)	(2.458.384.743)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.611.137)	(706.021)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3.572.492.931	(924.391.008)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	29.310.881	30.511.435
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	94.833.376	55.347.383
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(5.599)	23.209
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	124.138.659	85.882.027



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hùng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 04 năm 2019